

Bản án số: **20/2017/HSST**

Ngày 08/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hà Văn Chương**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Đào Bích**

Nghề nghiệp: Trưởng phòng nghiệp vụ y tế, Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà **Dương Quỳnh Như**

Nghề nghiệp: Ủy viên BCH Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Hà Đan Trang** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà **Nguyễn Thị Linh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Thị V**, sinh ngày 24/4/1985.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 19, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Con ông Vũ Thành C, sinh năm 1963 và con bà Phạm Thị L, sinh năm 1964;
Chồng: PH Bá Y, sinh năm 1975 (Đã ly hôn năm 2012);

Chồng: Nguyễn Văn V, sinh năm 1960;

Con có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2016. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TQ. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh ngày 06/01/1960.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 19, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh;

Con ông Nguyễn Hữu T và con bà Bùi Thị C (Đều đã chết);

Vợ: Nguyễn Tân D, sinh năm 1959 (Đã ly hôn năm 1996);

Vợ: Huỳnh Thị M, sinh năm 1970 (Đã ly hôn năm 2012);

Vợ: Vũ Thị V, sinh năm 1985;

Con có 03 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án HSST số 01 ngày 22/01/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh TQ xử phạt Nguyễn Văn V 03 năm tù về tội Tổ chức dùng chất ma túy. Bản án HSPT số 955 ngày 19/6/1997 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao y án sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2016. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TQ. Có mặt.

*** Những người bị hại:**

1. Bà **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1969; Có mặt.

Trú tại: Xóm ĐH, xã CH, huyện YS, tỉnh TQ.

2. Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1958; Có mặt.

Trú tại: Tổ 19, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ.

3. Ông **Vi Văn Th**, sinh năm 1973; Có mặt.

Trú tại: Thôn KT, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ.

4. Bà **Quan Thị K**, sinh năm 1964; Có mặt.

Trú tại: Thôn Bản Tụm, xã TM, huyện CH, tỉnh TQ.

5. Ông **Vũ Khắc T**, sinh năm 1960; Có mặt.

Trú tại: Tổ 10, phường NT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

6. Anh **Lê Thế L**, sinh năm 1980; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ 35, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh TQ.

7. Chị **Trần Thị Minh H**, sinh năm 1982; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ 35, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh TQ.

8. Bà **Lê Thúy H**, sinh năm 1969; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ 26, phường PT, thành phố TQ, tỉnh TQ.

9. Anh **Lê Ngọc A**, sinh năm 1982; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ 20, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ.

10. Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1952; Có mặt.

Trú tại: Tổ 34, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ.

11. Anh **Nguyễn Bá Đ**, sinh năm 1980; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: : Thôn SL 7, xã AT, TP TQ, tỉnh TQ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1964; Có mặt.

Trú tại: Thôn Hợp L 2, xã YN, huyện CH, tỉnh TQ.

2. Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1979; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm 2, xã TĐ, thành phố TQ, tỉnh TQ.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Vũ Thị V, Nguyễn Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong Th gian từ năm 2014 đến năm 2016, Vũ Thị V cùng chồng là Nguyễn

Văn V trú tại tổ 19, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức xin việc, mua bán giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức tại địa bàn thành phố TQ, cụ thể như sau:

1. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức xin việc làm của Vũ Thị V:

Lần 1: Khoảng tháng 5/2014, bà Nguyễn Thị Minh T đến nhà Vũ Thị V nhờ xem ngày tốt để mở quán kinh doanh Internet cho Phạm Văn S sinh năm 1991 (con trai chị bà T) được V tự giới thiệu có người nhà giữ chức vụ lãnh đạo trong Công an tỉnh TQ có thể nhờ xin được vào làm việc tại Bệnh viện Công an tỉnh TQ chi phí hết 250.000.000đồng. Đầu tháng 7/2014 bà T đã đưa cho V hồ sơ của S và 140.000.000đồng, đến ngày 15/10/2014 bà T đưa tiếp cho V 110.000.000đồng. V viết cho bà T 01 giấy có nội dung ghi vay tiền của bà T và chồng bà là Phạm Xuân T. Sau khi đưa tiền cho V không thấy V xin được cho con trai mình đi làm, bà T nhiều lần đòi lại tiền nhưng V không trả, đến ngày 18/10/2015, V đã viết cho bà T 01 giấy hẹn trả tiền cam đoan đến ngày 25/10/2015 sẽ trả cả gốc, lãi nhưng đến hẹn V không trả. Bà T đã nhờ Công ty Luật QC thuộc Đoàn luật sư tỉnh TQ đòi số tiền mà V đã nhận của mình. Ngày 31/12/2015 tại Công ty Luật QC, V đã trả cho bà T 200.000.000đồng. Số tiền 50.000.000đồng V chiếm đoạt chi tiêu cá nhân.

Lần 2: Khoảng tháng 7/2014, bà Đặng Thị L ở tổ 19, phường MX, thành phố TQ sang nhà V chơi, trong khi ngồi nói chuyện V nói có khả năng xin vào làm việc tại Bệnh viện Công an tỉnh, chi phí khoảng 275.000.000đồng, bà L nhờ xin cho Vũ Đình T trú tại thôn 1, xã ĐN, huyện ĐH, tỉnh PT (em trai của con dâu bà L), V bảo bà L làm hồ sơ và đưa trước 70.000.000 đồng, T làm hồ sơ chuyển cho bà L để đưa cho V cùng số tiền 70.000.000 đồng, V viết giấy vay tiền của bà L, mấy ngày sau bà L đưa tiếp số tiền 205.000.000 đồng. V viết một giấy nhận vay của bà L tổng số tiền là 275.000.000 đồng. V đưa hồ sơ và 70.000.000 đồng cho Hoàng Thị T trú tại tổ 10, phường NT, thành phố TQ nhờ xin vào làm tại bệnh viện Công an tỉnh, khoảng hai tháng sau do không xin được nên T đã trả lại tiền và hồ sơ cho V. Do quen biết với Trần Văn K trú tại thôn LM 1, xã TH, huyện HY, tỉnh TQ (là cán B hợp đồng tại bệnh viện Công an tỉnh) nên V đưa hồ sơ của Tuyền và 250.000.000 đồng nhờ K xin hộ. Chờ không thấy Tuyền được đi làm nên bà L điện hỏi V, V cho biết đã đưa hồ sơ và tiền nhờ K xin hộ đồng Th, V cho bà L số điện thoại của K. Sau nhiều lần đòi tiền khoảng đầu tháng 6/2016 K trả lại cho bà L được 200.000.000 đồng và ngày 26/7/2016 K trả tiếp 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại 25.000.000 đồng V sử dụng chi tiêu cá nhân. Đối với các giấy vay tiền V viết cho bà L, bà L đã làm mất.

Lần 3: Qua sự giới thiệu của Trần Xuân Th ở tổ 30, phường PT, thành phố TQ cho biết Vũ Thị V có khả năng xin được việc nên ngày 30/8/2014, ông Vi Văn Th ở thôn KT, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ đến nhà và nhờ V xin cho con gái là Vi Thị Tâ sinh năm 1994 vào làm giáo V tại Trường mầm non xã KP, huyện YS. V đồng ý và nói chi phí hết 100.000.000 đồng, cùng ngày ông Th đã đưa trước 20.000.000 đồng

cùng hồ sơ xin việc của Tâ có sự chứng kiến của Trần Xuân Th. Ngày 01/9/2014, ông Th đưa tiếp 30.000.000 đồng. Sau khi không thấy Tâ được đi làm nên ông Th đòi tiền lại, V bảo để xin cho Tâ vào dạy ở một trường mầm non trên địa bàn thành phố TQ đồng Th yêu cầu ông Th đưa thêm 50.000.000 đồng. Ngày 05/10/2015 ông Th đã đưa số tiền này cho V. T B các lần đưa tiền V đều viết giấy vay tiền của ông Th.

Nhận hồ sơ và tiền của ông Th, V nhờ Nguyễn Thị Hương X, trú tại thôn L, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ nhờ xin cho Tâ vào dạy ở Trường mầm non KP, X giới thiệu V đến gặp anh Đặng Xuân Ch trú tại tổ 17, phường HT (là Hiệu trưởng Trường tiểu học Y B, xã M B, huyện YS). V gặp Ch nộp hồ sơ và tiền nhưng Ch không nhận tiền mà giới thiệu cho Tâ vào làm việc không lương được khoảng 2 tháng tại Trường Mầm non KP. Khoảng tháng 5/2016, V liên hệ với Phan Thị T ở tổ 18, phường TH, thành phố TQ là giáo V Trường Mầm non SMTH, thành phố TQ, V đưa hồ sơ của Tâ và 5.000.000 đồng nhờ T xin hộ, T nhận sau đó không xin được nên gọi điện và bảo V đến lấy hồ sơ và tiền về nhưng V không đến. Ngày 27/10/2016 T giao nộp số tiền 5.000.000 đồng cho cơ quan điều tra. Đối với số tiền 95.000.000 đồng còn lại của ông Th, V chiếm đoạt chi tiêu hết.

Lần 4: Khoảng cuối năm 2014, bà Quan Thị K ở thôn BT, xã TM, huyện CH, tỉnh TQ đến nhà V xin cho con gái là Quan Thị B đi làm, V nói có thể xin việc cho B vào làm ở nhà máy nước TQ nhưng pH chi phí 205.000.000 đồng. Ngày 22/11/2014, B cùng vợ chồng chị gái là Quan Thị Ch và Bùi Huy D cùng trú tại tổ 17, thị trấn YThế, huyện LY, tỉnh YB đến nhà đưa cho V 205.000.000 đồng, V viết 01 giấy vay tiền nội dung vay của bà Quan Thị K và ông Quan Văn CH, trước khi làm giấy tờ nhận tiền V hứa 1 tháng B sẽ được đi làm nếu không sẽ H trả tiền. Nhận hồ sơ và tiền của B, V nhờ Phan Mạnh H trú tại tổ 5, phường TH, thành phố TQ xin hộ đồng Th đưa cho H 180.000.000 đồng, một Th gian sau không thấy B được đi làm nên V đòi lại tiền, H trả lại T B số tiền và hồ sơ đã nhận cho V. Sau đó được Hg Thị T trú tại tổ 10, phường NT, thành phố TQ cho biết Công ty môi trường xanh TC ở HG đang cần tuyển cán B quản L giống cây trồng nên V nhờ T xin hộ đồng Th đưa cho T 10.000.000 đồng cùng hồ sơ của B. Do không thấy B được đi làm nên bà K điện thoại giục V, V cho biết Công ty môi trường xanh TC đã gửi thông báo qua Email cho V về việc B sắp được đi làm sau đó V gửi 02 bản thông báo của Công ty trên cho bà K qua địa chỉ Email của Luân Thị N ở thị trấn VL (cháu bà K). Khoảng 4 tháng sau không xin được việc nên T trả lại tiền và hồ sơ cho V. Do không thấy B được đi làm nên ngày 11/6/2015 bà K đòi tiền thì V trả được 15.000.000 đồng. Hiện còn 190.000.000 đồng V chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền V chiếm đoạt của các bị hại là 360.000.000 đồng.

Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh TQ đã thu giữ:

- 01 giấy vay tiền Vũ Thị V viết ngày 30/8/2014 vay của ông Vi Văn Th có người làm chứng Trần Xuân Th vay 20.000.000 đồng, ngày 01/9/2014 vay 30.000.000 đồng; Ngày 14/9/2014 V trả được 30.000.000 đồng; Ngày 01/11/2014 V vay 30.000.000 đồng; Ngày 05/10/2015 V vay 50.000.000 đồng;

- 01 giấy vay tiền ngày 22/11/2014 Vũ Thị V vay 205.000.000 đồng của bà Quan Thị K. Mặt sau ghi ngày 21/5/2015 V trả được 65.000.000 đồng còn 140.000.000 đồng. Ngày 11/6/2015 trả tiếp được 10.000.000 đồng số còn lại sẽ trả nốt vào dịp gần nhất; 01 giấy vay tiền đề ngày 21/5/2015 số tiền 60.000.000 đồng Th hạn trả 60 ngày đều có chữ ký của V; 01 thông báo số 21 ngày 21/5/2016 của tập đoàn phát triển rừng T cầu; 01 thông báo số 21 ngày 21/5/2016 của Công ty CPĐTPTKT rừng bền vững T cầu (đều bản phô T).

- 01 giấy vay tiền ngày 05/10/2014 Vũ Thị V vay của bà Nguyễn Thị Minh T 250.000.000 đồng; 01 giấy hẹn trả tiền ngày 18/10/2015 hẹn 25/10/2015.

Tại Kết luận giám định số 36 ngày 30/12/2016 của Phòng KTHS Công an tỉnh TQ kết luận:

+ Chữ viết phần nội dung trên các giấy vay tiền với chữ viết V là do cùng một người viết.

+ Chữ ký ghi tên Vũ Thị V trên các giấy vay tiền với chữ ký của V là do cùng một người ký.

2. Hành vi Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức của Vũ Thị V và hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức sử dụng sổ đỏ giả của Nguyễn Văn V và Vũ Thị V:

Vợ chồng Vũ Thị V và Nguyễn Văn V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA480989 ngày 05/10/2015 của ngôi nhà và đất ở tổ 12, phường YL, thành phố TQ. Ngoài ra V, V còn có ngôi nhà ở tổ 19, phường MX, thành phố TQ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 24/11/2015, vợ chồng V, V đã thế chấp sổ đỏ ở tổ 12, phường YL vay 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố TQ.

Khoảng đầu tháng 01/2016 Vũ Thị V hỏi Phan Mạnh H, trú tại tổ 5, phường TH, thành phố TQ là bạn của V vay tiền nhưng không được, H nói cho cách làm sổ đỏ giả để thế chấp vay tiền. V đã nảy sinh ý định làm sổ đỏ giả để mang đi thế chấp nhằm mục đích chiếm đoạt tiền. V nhờ H làm hộ sổ đỏ giả, H lên mạng và liên hệ được với một người tên L (không biết tên địa chỉ cụ thể) ở thành phố Hồ Chí Minh làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả giống như thật với giá là 12.000.000 đồng (giấy đầu tiên) từ giấy chứng nhận giả thứ hai trở đi giá 8.000.000 đồng, L bảo H chuyển hình ảnh gốc của sổ đỏ muốn làm giả cho L qua Zalo và khi nào nhận được sổ đỏ giả qua bưu điện thì trả tiền qua bưu điện, H gọi điện cho V, V đưa cho H bản phô T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tổ 12, phường YL đứng tên vợ chồng V và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tổ 19, phường MX mang tên ông Nguyễn Hữu T và bà Bùi Thị C (bố mẹ chồng V) nhờ H làm cho 04 sổ đỏ giả trong đó 03 sổ đỏ giả ở tổ 12, phường YL và 01 sổ đỏ giả ở tổ 19, phường MX. H chụp ảnh các sổ đỏ và gửi qua mạng Zalo cho L.

Ngày 20/01/2016, L gọi điện cho H thông báo đã làm xong các sổ đỏ giả và gửi qua Công ty TNHH chuyển bưu phẩm KERRY EXPRESS (Công ty KERRY) tại thành phố Hồ Chí Minh ra HN cho H. H gọi điện thông báo cho V biết. Ngày

21/01/2016 hai vợ chồng V, V cùng H đến bưu cục Công ty KERRY ở số 19, Đặng Thùy Trâm, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố HN. Đến nơi, V đứng ngoài, V và H vào bưu cục, H nhận 4 sổ đỏ giả sau đó đưa cho V, V đưa cho H 20.000.000 đồng sau đó cùng chồng về nhà. Khoảng 4 ngày sau V nói cho V biết việc nhờ H làm cho 4 sổ đỏ giả để đem đi cầm lấy tiền trả nợ đồng Th đưa cho V xem, sau khi xem xong V yêu cầu V pH hủy các sổ đỏ giả nhưng sau đó V không hủy.

Sau đó V tiếp tục nhờ H làm thêm cho 3 sổ đỏ giả nữa nhưng H không làm mà cho V số điện thoại của L để V tự liên hệ làm. V gọi điện và thuê L làm thêm 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trong đó 1 giấy ở tổ 19, phường MX và 2 giấy tổ 12, phường YL, thành phố TQ sau đó thuyết phục chồng cùng thực hiện việc sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lừa đảo chiếm đoạt tài sản và gây thiệt hại về tài sản cụ thể như sau.

Lần 1: Khoảng cuối tháng 01/2016, V nhờ Hg Thị T trú tại tổ 10, phường NT, thành phố TQ, giới thiệu cho chỗ vay tiền. T đưa V đến nhà ông Vũ Khắc T ở tổ 10, phường NT, thành phố TQ, V đặt vấn đề vay tiền của ông T nhưng không được, ông T nói nếu có nhà đất bán thì giới thiệu cho ông T mua.

Khoảng đầu tháng 02/2016, V đến nhà ông T mang theo 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tổ 19, phường MX nói muốn bán nhà đất với giá 200.000.000 đồng, sau khi xem sổ đỏ và nhà tại tổ 19, phường MX ông T đồng ý mua.

Ngày 05/02/2016, V và ông T đến văn phòng công chứng Mai L để làm hợp đồng chuyển nhượng, V đưa cho văn phòng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ 19, phường MX, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của gia đình V, sau khi xem xong văn phòng công chứng lập hợp đồng sau đó yêu cầu chồng V pH đến. V gọi điện cho V đến văn phòng, sau khi xem hợp đồng V biết V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhưng không ngăn cản mà ký vào bên chuyển nhượng. Sau khi H thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Vũ Thị V và Nguyễn Văn V đã cùng nhau đi về nhà ông T để nhận tiền, V đưa ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả sau đó xin thuê lại nhà để ở với giá 500.000đồng/tháng. Số tiền nhận của ông T, V đã chi tiêu hết.

Lần 2: Ngày 23/4/2016, V cùng V tiếp tục dùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ở địa chỉ tổ 12, phường YL, thành phố TQ qua Văn phòng công chứng Mai L làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông Vũ Khắc T quyền sở hữu nhà và đất ở tổ 12, phường YL được 200.000.000 đồng. Số tiền nhận của ông T, V chi tiêu hết.

Ngày 26/4/2016, ông Vũ Khắc T đem 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ tổ 19, phường MX và tại tổ 12, phường YL, đã mua của vợ chồng V đến Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố TQ hỏi về thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì cán B Phòng tài nguyên phát hiện 02 Giấy chứng nhận nghi là giả. Ông T đã yêu cầu V - V trả lại tiền. V -V đã trả cho ông T được 246.000.000 đồng còn chiếm đoạt 154.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 07/02/2016, qua giới thiệu của T, V đến nhà vợ chồng Lê Thế L và Trần Thị Minh H ở tổ 35, phường TQ, thành phố TQ hỏi vay tiền, vợ chồng L H

không đồng ý, V nói muốn bán nhà đất ở tổ 12, phường YL (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), sau khi xem nhà đất vợ chồng L H đồng ý mua với giá 450.000.000 đồng và đặt cọc trước 150.000.000 đồng hẹn đến ngày 07/3/2016 sẽ thanh toán số tiền còn lại và đến Văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng. Tại nhà L - H, V viết một biên bản nhận tiền đặt cọc sau đó gọi điện cho V đến ký. Ngày 04/04/2016, V cùng V tiếp tục đến nhà vợ chồng Lê Thế L xin ứng thêm tiền chuyển nhượng đất, nhà ở theo Giấy giả trước đó với số tiền 100.000.000 đồng, vợ chồng L H đồng ý nhưng thỏa thuận giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng, V tự viết lại 01 giấy bán nhà, đất ở cho vợ chồng L tính cả số tiền đã ứng trước ngày 07/02/2016 tổng cộng là 250.000.000 đồng. Ngày 01/5/2016, V cùng chồng tiếp tục đến nhà L làm lại hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà, đất, hợp đồng đánh máy nội dung thỏa thuận bán đất, nhà ở tại tổ 12, phường YL theo giấy chứng nhận giả ứng thêm 50.000.000 đồng. Tổng cộng cả 02 lần đã ứng tiền đặt cọc trước đó là 300.000.000 đồng. Số tiền này V chi tiêu hết.

Lần 4: Qua giới thiệu của Hoàng Thị T cho biết bà Lê Thúy H ở tổ 26, phường PT, thành phố TQ có tiền cho vay nên ngày 17/4/2016, V đến hỏi vay tiền nhưng không được, V thỏa thuận bán nhà và đất ở tổ 12, phường YL cho bà H giá 600.000.000 đồng, bà H đồng ý mua và đặt cọc trước 300.000.000 đồng, V gọi điện cho chồng đến sau đó bà H yêu cầu vợ chồng V viết giấy bán nhà, V viết sau đó do chữ xấu không đọc được nên nhờ chồng bà H là ông Nguyễn Bá C viết hộ một giấy bán nhà và một giấy nhận tiền, sau khi ông C viết xong đưa cho hai vợ chồng V ký, hai bên thỏa thuận Th hạn một tháng sẽ làm thủ tục công chứng chuyển nhượng nhà đất tại tổ 12, phường YL và vợ chồng bà H sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Sau khi nhận tiền V đưa cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổ 12, phường Y L và 01 sổ hộ khẩu bản gốc mang tên Nguyễn Văn V. Sau đó quá hạn không thấy vợ chồng V làm thủ tục chuyển nhượng nên bà H đã đòi lại tiền đặt cọc, vợ chồng V đã trả lại cho 03 lần được tổng số tiền là 170.000.000 đồng còn chiếm đoạt 130.000.000 đồng.

Lần 5: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 23/02/2016, Lê Ngọc A ở tổ 20, phường MX đến nhà V chơi, V hỏi vay tiền của Ngọc A, Ngọc A cho biết để cho vay tiền thì pH viết giấy thỏa thuận bán nhà đất theo sổ đỏ mang tên hai vợ chồng V. V đồng ý và viết giấy bán nhà ở tổ 19, phường MX giá là 100.000.000 đồng rồi đưa sổ đỏ giả cho Anh giữ, V gọi chồng đến ký giấy vay tiền sau đó ứng trước được 50.000.000 đồng. Ngày 13/3/2016, tại nhà V, V viết tiếp giấy bán nhà ở tổ 19, phường MX cho Anh thỏa thuận giá bán là 550.000.000 đồng đồng Th nhận ứng 55.000.000 đồng và hẹn đến ngày 13/9/2016 thanh toán hết. Khoảng 2 tháng sau V đã trả được 24.000.000 đồng tiền gốc, 15.000.000 đồng tiền lãi. Hiện còn nợ 81.000.000 đồng.

Lần 6: Do cần tiền trả nợ và được Lê Ngọc A giới thiệu bà Trương Thị T, trú tại tổ 34, phường MX cho vay tiền có lãi và có thể chấp sổ bìa đỏ nên V nhờ Ngọc A đứng ra làm thủ tục cho vợ chồng V vay thay bà T.

Ngày 11/4/2016, tại nhà V, Ngọc A đưa cho V 01 hợp đồng mua bán chuyển

nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà đánh máy sẵn để V tự điền nội dung, V điền thông tin bán nhà và đất ở tổ 12, phường YL giá 1.000.000.000 đồng và nhận đặt cọc trước 80.000.000 đồng kèm theo giấy biên nhận tiền, V gọi chồng đến ký sau đó V đưa cho Ngọc A sổ đỏ giả ở tổ 12, phường YL, Ngọc A đưa số tiền 80.000.000 đồng của bà T cho V. Khoảng 20 ngày sau V trả được 8.000.000 đồng tiền lãi và khoảng đầu tháng 6/2016 trả tiếp 2.000.000 đồng tiền lãi cho bà T.

Lần 7: Ngày 14/6/2016, V gọi điện cho Nguyễn Bá Đ ở thôn S L 7, xã AT hỏi vay 50.000.000 đồng, Đ cho biết chỉ cho vay được mấy ngày sau đó hai bên hẹn gặp tại quán trà đá ở đầu đường cao tốc Quốc lộ 37 thuộc phường TQ, thành phố TQ. Khi gặp V đưa cho Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ở tổ 12, phường YL để làm tin đồng Th viết giấy vay tiền Th hạn 15 ngày, Đ yêu cầu pH hai vợ chồng cùng ký, V gọi điện cho chồng đến ký sau đó đưa cho Đ. Chưa đến Th hạn trả thì V và V bị bắt.

Như vậy, tổng số tiền Vũ Thị V lừa đảo chiếm đoạt tài sản 944.000.000 đồng; tổng số tiền V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa dối vay tiền gây thiệt hại 211.000.000 đồng. Nguyễn Văn V đồng phạm với vai trò giúp sức trong việc ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả với Vũ Thị V chiếm đoạt của ông Vũ Khắc T; vợ chồng Lê Thế L, Trần Thị Minh H và bà Lê Thúy H với tổng số tiền 584.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 480989 mang tên Vũ Thị V, sinh năm 1985 địa chỉ tổ 12, phường YL; 01 giấy CNQSDĐ số AK 857046 mang tên Nguyễn Văn V và Vũ Thị V địa chỉ tổ 19, phường MX; 01 hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 31 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD; 01 hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 93 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD; 01 Giấy nhận tiền đề ngày 05/02/2016 người nhận là Nguyễn Văn V và Vũ Thị V số tiền 200.000.000 đồng; 01 Giấy nhận tiền bán nhà ghi ngày 23/4/2016 người nhận tiền Nguyễn Văn V và Vũ Thị V số tiền 200.000.000 đồng; 02 hợp đồng cho thuê nhà ở 01 hợp đồng thuê nhà ở 12 tháng và 01 hợp đồng thuê 02 tháng bên thuê nhà là Vũ Thị V và Nguyễn Văn V; 01 sổ hộ khẩu phô T không qua công chứng số 610177769 tên chủ hộ Nguyễn Văn V; 01 CMND số 070701468 phô T không qua công chứng mang tên Nguyễn Văn V và 01 CMND số 070780535 bản phô T qua công chứng số 347 ngày 01/02/2016 phòng công chức số 1 tỉnh TQ mang tên Vũ Thị V do ông Vũ Khắc T giao nộp.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA 856045; 01 biên bản nhận tiền đặt cọc ngày 07/02/2016; 01 giấy bán nhà ngày 04/4/2016; 01 hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà đất ngày 01/5/2015 giữa bên đặt cọc là Lê Thế L, Trần Thị Minh H, bên nhận Vũ Thị V, Nguyễn Văn V; 01 bản sao sổ hộ khẩu số 610177769 chủ hộ Nguyễn Văn V; 01 bản sao CMND số 070701468 tên Nguyễn Văn V và CMND số 070780596 mang tên Vũ Thị V.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 480.932, người sử dụng

Nguyễn Văn V và Vũ Thị V; 01 Giấy bán nhà viết tay tên Nguyễn Văn V và Vũ Thị V ngày 17/4/2016; Giấy nhận tiền ngày 17/4/2016 tên của hai vợ chồng V, V; 01 sổ hộ khẩu số 610177769 do Công an thành phố TQ cấp lại lần 1 ngày 06/8/2014 chủ hộ Nguyễn Văn V (sổ gốc) do bà Lê Thúy H giao nộp;

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 480953 mang tên Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị V; 01 giấy bán nhà mang tên V, V ngày 23/02/2016; 01 giấy bán nhà mang tên V V kèm theo giấy biên nhận tiền ngày 13/3/2016 do Lê Ngọc A giao nộp.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA480989 cấp ngày 05/10/2015 tên Vũ Thị V; 01 giấy biên nhận tiền ngày 11/4/2016 của Nguyễn Văn V, Vũ Thị V nhận của bà T 80 triệu hẹn sau 20 ngày sẽ H thiện hết thủ tục; 01 hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/4/2016 giữa Nguyễn Văn V, Vũ Thị V và bà Trương Thị T do bà Trương Thị T giao nộp.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Vũ Thị V có số CA 480989; 01 giấy vay tiền đề ngày 14/6/2016 người vay là Nguyễn Văn V và Vũ Thị V vay của Nguyễn Bá Đ 50.000.000 đồng do Nguyễn Bá Đ giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 165 ngày 18/5/2016; số 267 ngày 11/8/2016 của Phòng KTHS Công an tỉnh TQ kết luận:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Vũ Khắc T, Trương Thị T, Nguyễn Bá Đ, Lê Ngọc A, Lê Thúy H và Trần Thế L giao nộp không pH do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Tại Kết luận giám định số 36 ngày 30/12/2016 của Phòng KTHS Công an tỉnh TQ kết luận: chữ ký ghi tên Vũ Thị V, Nguyễn Văn V trên giấy bán nhà, giấy biên nhận tiền đặt cọc, giấy biên nhận tiền, giấy vay tiền, hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà với chữ ký trên bản tự khai của V và V đều do cùng một người ký.

Đối với số tiền thu giữ của Vũ Thị V 31.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng do Phan Thị T giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh TQ đã chuyển vào tài khoản tạm giữ số 39411006751 do Sở Tài chính tỉnh TQ mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh TQ ngày 29/6 và 03/11/2016.

Tại bản cáo trạng số 16/QĐ-KSĐT ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ đã truy tố: Bị cáo Vũ Thị V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 267 của B luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 của B luật Hình sự.

Tại phiên tòa, qua tranh luận đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139; điểm c khoản 2 Điều 267; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50; Điều 33 B luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị V từ 13 năm tù đến 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Vũ Thị V pH chấp hành

hình phạt chung của hai tội từ 15 năm tù đến 17 năm tù, Th hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 21/6/2016).

Áp dụng: Điểm a, khoản 4 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 B luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 7 B luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 09 năm tù đến 10 năm tù. Th hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 21/6/2016).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 B luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 của B luật Dân sự buộc bị cáo Vũ Thị V pH bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh T 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Đặng Thị L 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Bồi thường cho ông Vi Văn Th 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Trong đó có số tiền 5.000.000 đồng do bà Phan Thị T trả đang tạm giữ tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ, bị cáo V còn pH bồi thường 95.000.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Quan Thị K 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho anh Lê Ngọc A 81.000.000 đồng (*Tám mươi một triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Trương Thị T 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho anh Nguyễn Bá Đ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Tổng cộng bị cáo Vũ Thị V pH bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 561.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*).

Đối với số tiền liên đới giữa bị cáo V và bị cáo Nguyễn Văn V lừa đảo của ba người tổng số tiền là 584.000.000 đồng trong đó: Ông Vũ Khắc T là 154.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho ông Vũ Khắc T số tiền 40.000.000 đồng, tại phiên tòa ông T nhất trí cho các bị cáo 114.000.000 đồng không yêu cầu giải quyết.

Số tiền nợ ông Lê Thế L và bà Trần Thị Minh H 300.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho ông L, bà H số tiền 80.000.000 đồng, số tiền còn lại ông L bà H xóa nợ không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Số tiền nợ bà Lê Thúy H 130.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho bà H, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/9/2017 bà H không yêu cầu giải quyết về phần dân sự; nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 B luật hình sự; Điều 76 B luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, màn hình cảm ứng có số IMEI: 353609/05/254638/0; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 351738/06/042604/6; IMEI2: 351738/06/042605/3; 01 xe mô T nhãn hiệu SYM loại xe tay ga Atila màu đỏ đen, biển kiểm soát 22B1 - 192.17; 01 chứng

nhận đăng ký xe mô T, xe máy số 017559, chủ xe là Vũ Thị V, biển số đăng ký 22B1-192.17 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh TQ cấp ngày 13/01/2012, nhưng giữ lại 01 xe mô T, giấy đăng ký xe mô T để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu “Acer” màu đen, máy tính có tem số mã vạch E1-572-54204 G50 Dnkk MFG Date 2013/09/21; NXM8ESV0013373040 D3400; SNID: 33719764534, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng của máy, kèm theo 01 dây sạc của máy; 01 con chuột máy tính M300 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEI: 1: 358614/06/853794/9; IMEI 2: 358614/06/853795/6 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Đối với số tiền thu giữ 31.000.000 đồng của Vũ Thị V và số tiền 5.000.000 đồng do Phan Thị T giao nộp, hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ, giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ để thi hành phần bồi thường cho ông Vi Văn Th 5.000.000 đồng; số tiền 31.000.000 đồng để thi hành án trong bản án.

Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo V pH chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định; các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo tại phiên tòa tiếp tục thành khẩn khai nhận T B hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát V, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tình tiết khách quan khác có trong hồ sơ vụ án, lời luận tội của Kiểm sát V là có căn cứ, đủ cơ sở kết luận: Trong Th gian từ năm 2014 đến năm 2016, Vũ Thị V cùng chồng là Nguyễn Văn V trú tại tổ 19, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức xin việc, mua bán giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức tại địa bàn thành phố TQ. Tổng số tiền Vũ Thị V lừa đảo chiếm đoạt tài sản 944.000.000 đồng; tổng số tiền V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa dối vay tiền gây thiệt hại 211.000.000 đồng. Nguyễn Văn V đồng phạm với vai trò giúp sức trong việc ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả với Vũ Thị V chiếm đoạt của ông Vũ Khắc T; vợ chồng Lê Thế L, Trần Thị Minh H và bà Lê Thúy H với tổng số tiền 584.000.000 đồng. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ truy tố bị cáo Vũ Thị V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức"; bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ quy kết bị cáo Vũ Thị V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức", bị cáo Nguyễn

Văn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139, điểm c khoản 2 Điều 267 B luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, các bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối không đúng sự thật, làm cho người bị hại tin tưởng và giao tài sản cho các bị cáo, khi có tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại với số tiền rất lớn để chi tiêu cá nhân, bị cáo V làm giả tài liệu, giấy tờ của cơ quan nhà nước, nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức và công dân. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, nên vai trò của các bị cáo được đánh giá như sau:

Bị cáo Vũ Thị V là người chủ mưu, cầm đầu, đưa ra thông tin sai lệch cho các bị hại về việc bản thân có nhiều mối quan hệ rộng, có thể xin được việc làm cho nhiều người nên các bị hại đã tin và đưa tiền cho bị cáo V. Bị cáo V còn trực tiếp liên hệ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cùng V lừa đảo bán đất cho 03 người và V lừa vay tiền của 03 người.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là trước khi phạm tội có nhân thân tốt; đã tác động gia đình bị cáo bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hai con còn nhỏ hiện đang gửi bố mẹ nuôi hộ, theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 B luật Hình sự năm 1999 để quyết định mức án cho phù hợp pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn V vừa là người giúp sức vừa là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V đã cùng ký tên vào các hợp đồng bán đất để giúp V chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo đã tác động gia đình bị cáo bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo ông Nguyễn Hữu Thực được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Ba, theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 B luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 B luật Hình sự năm 2015, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là đồng phạm nên áp dụng Điều 47 B luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung của điều luật là phù hợp pháp luật.

Ngoài ra trong quá trình điều tra bị cáo V và đối tượng Hg Thị T còn có hành vi nhận tiền xin việc cho Đỗ Thị Tân ở tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố TQ; Vũ Thị V nhận tiền xin việc cho Đỗ Thị Thu T và Đỗ Ngọc C cùng ở xóm C, xã TB huyện YS nhưng không có hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an

tỉnh TQ không đề cập xử L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng tên L theo bị cáo V và Phan Mạnh H khai nhận làm thuê các sổ đỏ giả cho V, nhưng không xác định được tên địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Phan Mạnh H đã có hành vi trực tiếp liên hệ với đối tượng tên L làm cho bị cáo V 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tuy nhiên H chỉ biết V nhờ làm để sử dụng vào việc vay tiền nhưng cụ thể vay ai thì H không được bàn bạc. Việc H tìm người làm giấy chứng nhận sử dụng đất giả cho V là H T tự nguyện, không được hưởng lợi; mặt khác chưa xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể của đối tượng tên L do đó không xác định được vai trò của H trong việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do vậy Cơ quan CSĐT Công an tỉnh TQ tách hành vi của Phan Mạnh H để tiếp tục điều tra khi nào làm rõ sẽ xử L sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trần Văn K, Hg Thị T, Nguyễn Thị Hương X, Đặng Xuân C, Phan Mạnh H và Phan Thị T có hành vi nhận lời giúp V xin việc, nhưng không được hưởng lợi nên Cơ quan điều tra không đề cập xử L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn V khi tham gia ký các giấy tờ do Vũ Thị V viết để vay tiền của Lê Ngọc A, Trương Thị T và Nguyễn Bá Đ nhưng không biết việc V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa dối vay tiền của họ nên không đề cập xử L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị V pH bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh T 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Đặng Thị L 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Bồi thường cho ông Vi Văn Th 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Trong đó có số tiền 5.000.000 đồng do bà Phan Thị T trả đang tạm giữ tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ, bị cáo V còn pH bồi thường 95.000.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Quan Thị K 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho anh Lê Ngọc A 81.000.000 đồng (*Tám mươi một triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Trương Thị T 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho anh Nguyễn Bá Đ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Tổng cộng bị cáo Vũ Thị V pH bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 561.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*).

Đối với số tiền liên đới giữa bị cáo V và bị cáo Nguyễn Văn V lừa đảo của ba người tổng số tiền là 584.000.000 đồng trong đó: Ông Vũ Khắc T là 154.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho ông Vũ Khắc T số tiền 40.000.000 đồng, tại phiên tòa ông T nhất trí cho các bị cáo 114.000.000 đồng không yêu cầu giải quyết.

Số tiền nợ ông Lê Thế L và bà Trần Thị Minh H 300.000.000 đồng, gia đình bị

cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho ông L, bà H số tiền 80.000.000 đồng, số tiền còn lại ông L bà H xóa nợ không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Số tiền nợ bà Lê Thúy H 130.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho bà H, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/9/2017 bà H không yêu cầu giải quyết về phần dân sự; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 B luật Hình sự; Điều 76 B luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, màn hình cảm ứng có số IMEI: 353609/05/254638/0; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 351738/06/042604/6; IMEI2: 351738/06/042605/3; 01 xe mô T nhãn hiệu SYM loại xe tay ga Atila màu đỏ đen, biển kiểm soát 22B1 - 192.17; 01 chứng nhận đăng ký xe mô T, xe máy số 017559, chủ xe là Vũ Thị V, biển số đăng ký 22B1-192.17 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh TQ cấp ngày 13/01/2012, nhưng giữ lại 01 xe mô T, giấy đăng ký xe mô T để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu “Acer” màu đen, máy tính có tem số mã vạch EI-572-54204 G50 Dnkk MFG Date 3013/09/21; NXM8ESV0013373040 D3400; SNID: 33719764534, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng của máy, kèm theo 01 dây sạc của máy; 01 con chuột máy tính M300 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEI: 1: 358614/06/853794/9; IMEI 2: 358614/06/853795/6 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Đối với số tiền thu giữ 31.000.000 đồng của Vũ Thị V và số tiền 5.000.000 đồng do Phan Thị T giao nộp, hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ, giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ để thi hành phần bồi thường cho ông Vi Văn Th 5.000.000 đồng; số tiền 31.000.0000 đồng để thi hành án trong bản án.

Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, bị cáo Vũ Thị V pH chịu 26.440.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”; bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm a, khoản 4 Điều 139; điểm c khoản 2 Điều 267; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50; Điều 33 B luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị V 13 (Mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Thị V pH chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù, Th hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 21/6/2016).

- Áp dụng: Điểm a, khoản 4 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều

46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 B luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 7 B luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 09 (Chín) năm tù. Th hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 21/6/2016).

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 B luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 của B luật Dân sự buộc bị cáo Vũ Thị V pH bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh T, trú tại Xóm ĐH, xã CH, huyện YS, tỉnh TQ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Đặng Thị L, trú tại tổ 19, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Bồi thường cho ông Vi Văn Th, trú tại thôn KT, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Trong đó có số tiền 5.000.000 đồng do bà Phan Thị T trả đang tạm giữ tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ, bị cáo V còn pH bồi thường 95.000.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Quan Thị K, trú tại thôn KT, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho anh Lê Ngọc A, trú tại tổ 20, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ 81.000.000 đồng (*Tám mươi một triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Trương Thị T, trú tại tổ 34, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Bồi thường cho anh Nguyễn Bá Đ, trú tại thôn Sông Lô 7, xã AT, thành phố TQ, tỉnh TQ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Tổng cộng bị cáo Vũ Thị V pH bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 561.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*).

Khoản tiền bồi thường, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo V còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 B luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 41 B luật hình sự; Điều 76 B luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, màn hình cảm ứng có số IMEI: 353609/05/254638/0 điện thoại cũ đã qua sử dụng. Hiện máy không hoạt động được, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 351738/06/042604/6; IMEI2: 351738/06/042605/3 điện thoại cũ đã qua sử dụng. Hiện máy không hoạt động được, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong; 01 xe mô T nhãn hiệu SYM loại xe tay ga Atila màu đỏ đen, biển kiểm soát 22B1-192.17. Xe cũ đã qua sử dụng và xe bị bong sơn nhiều. Hiện xe không nổ được, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong; 01 chứng nhận đăng ký xe mô T, xe máy số 017559, chủ xe là Vũ Thị V, biển số đăng ký 22B1-192.17 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh TQ cấp ngày 13/01/2012; nhưng giữ lại 01 xe mô T, giấy đăng ký xe mô T để

đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu “Acer” màu đen, máy tính có tem số mã vạch E1-572-54204 G50 Dnkk MFG Date 2013/09/21; NXM8ESV0013373040 D3400; SNID: 33719764534, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng của máy, kèm theo 01 dây sạc của máy; 01 con chuột máy tính M300 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEI: 1: 358614/06/853794/9; IMEI 2: 358614/06/853795/6 điện thoại cũ đã qua sử dụng. Hiện máy không hoạt động được, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong.

Số tiền thu giữ 31.000.000 đồng của Vũ Thị V và số tiền 5.000.000 đồng do Phan Thị T giao nộp, hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ, giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ để thi hành phần bồi thường cho ông Vi Văn Th 5.000.000 đồng; số tiền 31.000.000 đồng để thi hành án trong bản án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ lập ngày 14/8/2017).

- Áp dụng: Điều 99 B luật Tổ tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Vũ Thị V pH chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 26.440.000 đồng (*Hai sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Nguyễn Văn V pH chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong Th hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, Th hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh TQ;
- Cục THADS tỉnh TQ;
- Công an tỉnh TQ (CQĐT, Phòng Hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh TQ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Chương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đào Bích – Dương Quỳnh Như

Hà Văn Chương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh TQ;
- Cục THADS tỉnh TQ;
- Công an tỉnh TQ (CQĐT, Phòng Hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh TQ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Chương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đào Bích – Dương Quỳnh Như

Hà Văn Chương

